

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CMC NĂM 2025

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học CMC

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: CMC

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu):

- Trụ sở chính: CMC Tower Số 11 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Cơ sở 1: Số 84C, Đường Nguyễn Thanh Bình, Hà Đông, Hà Nội
- Cơ sở 2: Vạn Phúc Building, Đường Tố Hữu, Hà Đông, Hà Nội
- Cơ sở 3: Tây Mỗ, Xuân Phương, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://cmcu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://cmcu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

II. Tuyển sinh đào tạo Đại học chính quy

1. Ngành/Chương trình đào tạo và mã xét tuyển

NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, MÃ XÉT TUYỂN, CHỈ TIÊU VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN



MÃ TRƯỜNG: **CMC** | CHỈ TIÊU: **1.510**

MÃ XÉT TUYỂN	NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
IT	Công nghệ Thông tin	250	Toán*2 + 2 môn bất kỳ
CS	Khoa học Máy tính	160	Toán*2 + 2 môn bất kỳ
AI	Trí tuệ Nhân tạo	80	Toán*2 + 2 môn bất kỳ
SE	Kỹ thuật Phần mềm	150	Toán*2 + 2 môn bất kỳ
ET	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (IC Design)	80	Toán*2 + Lý/Hóa + môn bất kỳ
BA	Quản trị Kinh doanh	150	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
MK	Digital Marketing	135	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
LS	Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	100	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
EC	Thương mại điện tử	80	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
GD	Thiết kế Đồ họa	45	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
GA	Đồ họa game	30	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
CL	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
KL	Ngôn ngữ Hàn Quốc	75	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ
JL	Tiếng Nhật thương mại	75	Toán*2 + 2 môn bất kỳ hoặc Văn*2 + 2 môn bất kỳ

Thí sinh lựa chọn 2 môn bất kỳ trong danh sách sau:

Ngữ văn

Vật lí

Hoá học

Sinh học

Ngoại ngữ

Địa lí

Lịch sử

Giáo dục kinh tế - pháp luật

Tin học

Công nghệ

2. Phương thức tuyển sinh:

2.1. Phương thức 1 (CMC401): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Trường Đại học CMC (CMC-TEST) năm 2025 .

Bài thi Đánh giá năng lực của Trường Đại học CMC là bài thi trắc nghiệm trên máy tính, có cấu trúc gồm: Toán học (30 câu), Tiếng Anh (30 câu) và Tư duy logic (20 câu).

2.2. Phương thức 2 (CMC200): Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT với điểm trung bình (TB) môn theo tổ hợp môn xét tuyển, không cộng điểm ưu tiên.

– Điểm xét tuyển được tính theo công thức như sau:

Các ngành Công nghệ:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2.

Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (IC -Design):

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn Lý/ Hóa + Điểm TB môn 2.

Các ngành khác:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2.

HOẶC: Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Văn $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2.

Trong đó, điểm TB môn được tính như sau:

Điểm TB môn = (Điểm TB môn HK 1 lớp 12 + Điểm TB môn HK2 lớp 12 $\times 2$)/3

– Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (CCNNQT) điểm xét tuyển sẽ được tính như sau:

Các ngành Công nghệ:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm quy đổi CCNNQT.

Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (IC -Design):

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn Lý/ Hóa + Điểm quy đổi CCNNQT.

Các ngành khác:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm quy đổi CCNNQT.

HOẶC: Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Văn $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm quy đổi CCNNQT.

2.3. Phương thức 3 (CMC100): Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT, cộng điểm ưu tiên (nếu có).

– Điểm xét tuyển được tính theo công thức như sau:

Các ngành Công nghệ:

Điểm xét tuyển = Điểm môn Toán $\times 2$ + Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm ưu tiên (nếu có).

Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (IC -Design):

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn Lý/ Hóa + Điểm TB môn 2 + Điểm ưu tiên (nếu có)

Các ngành khác:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2 + Điểm ưu tiên (nếu có)

HOẶC: Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Văn $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2 + Điểm ưu tiên (nếu có)

– Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế (CCNNQT) điểm xét tuyển sẽ được tính như sau:

Các ngành Công nghệ:

Điểm xét tuyển = Điểm môn Toán $\times 2$ + Điểm môn 1 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm ưu tiên (nếu có).

Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông (IC -Design):

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn Lý/ Hóa + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm ưu tiên (nếu có)

Các ngành khác:

Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Toán $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm ưu tiên (nếu có)

HOẶC: Điểm xét tuyển = Điểm TB môn Văn $\times 2$ + Điểm TB môn 1 + Điểm quy đổi CCNNQT + Điểm ưu tiên (nếu có)

2.4. Phương thức 4 (CMC303): Xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học CMC.

Đối tượng TT1: Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, được xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Đối tượng TT2: Các đối tượng khác thuộc diện tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

Đối tượng TT3: Thí sinh có tên trong danh sách tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi hoặc cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố (trực thuộc trung ương) trong các năm từ 2022 – 2025 được xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Đối tượng TT4: Thí sinh là học sinh thuộc các trường THPT chuyên và có kết quả học tập năm lớp 12 đạt loại Tốt được xét tuyển thẳng như sau:

Các ngành Công nghệ, Kỹ thuật: thí sinh thuộc các khối chuyên Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin.

Các ngành khác: thí sinh thuộc tất cả các khối chuyên.

Đối tượng TT5: Thí sinh được khen thưởng danh hiệu học sinh Giỏi ba năm lớp 10, 11, 12 được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

Đối tượng TT6: Thí sinh có một trong các chứng chỉ quốc tế: SAT – Scholastic Assessment Test; ACT – American College Testing; A-Level – Cambridge International Examinations A-Level và đạt điểm tối thiểu theo quy định tại (Phụ lục 3). Các chứng chỉ quốc tế khác sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và phê duyệt theo từng trường hợp.

Đối tượng TT7: Thí sinh có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ sau đây:

Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên hoặc tương đương (tham khảo bảng quy đổi tương đương tại Phụ lục 3) được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

Chứng chỉ tiếng Trung từ HSK4 trở lên được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Chứng chỉ tiếng Hàn từ TOPIK4 trở lên được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

Chứng chỉ tiếng Nhật từ N3 (JLPT) trở lên được xét tuyển thẳng vào chương trình Tiếng Nhật thương mại.

3. Đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học CMC

- Bước 1: Truy cập website: thituyen.cmcu.edu.vn.
- Bước 2: Hoàn thành các trường thông tin trong phiếu đăng ký và tải lên bản PDF hoặc ảnh CCCD theo hướng dẫn trên hệ thống.
- Bước 3: Rà soát và bấm nút nộp hồ sơ.

4. Đăng ký hồ sơ xét tuyển

- Bước 1: Thí sinh chuẩn bị hồ sơ theo danh sách sau:
 - Bản PDF hoặc ảnh kết quả học tập bậc THPT.
 - Bản PDF hoặc ảnh CCCD.
 - Bản PDF hoặc ảnh chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận ưu tiên (nếu có).
 - Bản PDF hoặc ảnh bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh đã tốt nghiệp trước năm 2025).
 - Bản PDF hoặc ảnh giấy chứng nhận thành tích hoặc các giấy tờ liên quan (đối với thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng).
 - Bước 2: Truy cập website: xettuyen.cmcu.edu.vn và đăng ký tài khoản trên hệ thống (tài khoản và mật khẩu sẽ được gửi về email của thí sinh).
 - Bước 3: Đăng nhập, lựa chọn phương thức xét tuyển, hoàn thành các trường thông tin còn thiếu và tải lên hồ sơ theo hướng dẫn trên hệ thống.
 - Bước 4: Rà soát và nộp hồ sơ xét tuyển.
- * Thí sinh có nhu cầu nộp trực tiếp có thể gửi hồ sơ về văn phòng tuyển sinh Trường Đại học CMC theo địa chỉ: Số 84C Đường Nguyễn Thanh Bình, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

5. Chính sách ưu tiên

Điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực: theo quy định của Bộ GD&ĐT.

6. Chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính

Trường Đại học CMC dành quỹ học bổng “CMC-Vì bạn xứng đáng” trị giá 96 tỷ đồng cho các thí sinh tài năng nhập học hệ đại học chính quy năm 2025. Xem chi tiết tại: cmcu.edu.vn/chinh-sach-hoc-bong/.

7. Lệ phí thi tuyển, xét tuyển

- Phí đăng ký thi tuyển tại Trường Đại học CMC: miễn phí.
- Phí đăng ký xét tuyển tại Trường Đại học CMC: 50.000 VNĐ/ thí sinh.

- Phí giữ học bổng và/hoặc ưu đãi tại Trường Đại học CMC: 5.000.000 VNĐ/ thí sinh (được trừ vào học phí khi thí sinh nhập học chính thức tại Trường Đại học CMC).
- Phí đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT: nộp lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

8. Thời gian tuyển sinh 2025

8.1. Đối với thí sinh tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2025 của Trường Đại học CMC (CMC-TEST).

Thời gian đăng ký và tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực Trường Đại học CMC năm 2025 (CMC-TEST) như sau:

Đợt	Thời gian đăng ký thi tuyển	Tổ chức thi Đánh giá năng lực CMC-TEST
1	Từ 11/02 - 10/03/2025	29/03/2025
2	Từ 11/03 - 10/04/2025	19/04/2025
3	Từ 11/04 - 07/05/2025	17/05/2025

8.2. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển bằng phương thức 1, 2 và 4.

Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển của Trường Đại học CMC năm 2025 như sau:

- Đợt 1: Từ 20/01 – 28/02/2025
- Đợt 2: Từ 01/03 – 31/03/2025
- Đợt 3: Từ 01/04 – 30/04/2025
- Đợt 4: Từ 01/05 – 31/05/2025
- Đợt 5: Từ 01/06 – 30/06/2025
- Đợt 6: Từ 01/07 – 07/07/2025

8.3. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển bằng phương thức 3.

Thí sinh đăng ký và xét tuyển theo lịch trình của Bộ GD&ĐT công bố.

8.4. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển bổ sung (nếu có).

Thí sinh đăng ký trực tiếp tại hệ thống xét tuyển của Trường Đại học CMC theo lịch trình của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học CMC.

9. Thông tin chuyển khoản

Sinh viên có thể nộp trực tiếp tại Trường Đại học CMC hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường theo các hướng dẫn sau:

Chủ tài khoản	Trường Đại học CMC
Số tài khoản	1201706688
Ngân hàng	TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Chi nhánh	Sở giao dịch 1
Nội dung	[MÃ HỒ SƠ] – [HỌ VÀ TÊN] – PHI GIU HỌC BONG HOAC UU DAI

Chủ tài khoản	Trường Đại học CMC
Số tài khoản	1201706688
Ngân hàng	TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Chi nhánh	Sở giao dịch 1
Nội dung	[MSSV] – [HỌ VÀ TÊN] – HOC PHI

PHỤ LỤC 1

Bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ ra điểm dùng để ĐKXT vào Trường đại học CMC năm 2025
(Chứng chỉ ngoại ngữ còn giá trị sử dụng đến tháng 10/2025)

TT	IELTS	HSK	TCF	JLPT	TOPIK (thang 300)	Điểm quy đổi
1	5.0	Cấp 4	-	-	-	8,00
2	5.5		400 - 420	N3(95 – 120)	Cấp 4 (150 – 157)	8,50
3	6.0		421 – 440	N3(121 – 140)	Cấp 4 (158 – 165)	9,00
4	6.5		441 – 450	N3(141 – 160)	Cấp 4 (166 – 173)	9,25
5	7.0	Cấp 5	451 – 470	N3(161 – 170)	Cấp 4 (174 – 181)	9,50
6	7.5		471- 490	N3(171 – 180)	Cấp 4 (182 – 189)	9,75
7	8.0 - 9.0	Cấp 6	≥ 491	N2, N1	Cấp 5 (≥ 190)	10,00

PHỤ LỤC 2

Các chứng chỉ quốc tế thí sinh có thể dùng để ĐKXT vào Trường đại học CMC năm 2025

TT	Chứng chỉ quốc tế	Điểm tối thiểu	Thang điểm
1	SAT – Scholastic Assessment Test	1100/1600 hoặc 1450/2400	1600 hoặc 2400
2	ACT – American College Testing	22	36
3	A-Level – Cambridge International Examinations A-Level	C	E-A*

PHỤ LỤC 3

Bảng quy đổi tương đương trình độ tiếng Anh quốc tế dùng để ĐKXT vào Trường đại học CMC năm 2025

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Cambridge English Scale	PTE Academic	TOEIC	APTIS General	APTIS Advanced	CERF
1	4.5	42	443	B1 Preliminary 140	43 – 58	275 R 275 L 120 S 120 W	131	110	B1
	5.0								
2	5.5	72	543	B2 First 160	59 – 66	385 R 400 L 160 S 150 W	153	126	B2
3	6.0				67 – 75		160	153	
4	6.5	95	620	C1 Advanced 180	76 – 78	455 R 490 L 180 S 180 W	170	160	C1
5	7.0				79 – 81		180	165	
6	7.5				82 – 84		190	170	
7	8.0	114		C2 Proficiency 200	85 – 86			178	C2
8	8.5				87 – 88		>190	185	
9	9.0				89 – 90			200	